CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 01/2020/DSST
Ngày 16/01/2020
V/v:" *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hiền
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão.
2. Bà Cao Thị Hồng Châu.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Ông Vũ Đức Đuống –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2019/TLST-DS, ngày 03 tháng 5 năm 2019, về việc " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐST- DS, ngày 13 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02 /2019/QĐST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2919,giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương L, bà Hồ Thị Ngọc T (đều có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn Hiệp T, xã Quảng H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Bà Vũ Thị Th (có mặt)

Địa chỉ: thôn Hiệp H, xã Quảng H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B (có mặt)

Địa chỉ: thôn Hiệp H, xã Quảng H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Bà Phạm Thị M (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Hiệp Đ, xã Quảng H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá tình tố tụng các nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Phương L trình bày: Do quen biết nên ngày 3/5/2016 bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Th M (Phạm thị M) có vay của bà số tiền là 40.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi suất 2000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Tiền bà đưa cho bà B và chị M cùng đếm, còn cụ thể mỗi người mượn bao nhiêu thì bà không biết nhưng đến nay bà B, chị M chưa trả cho bà được khoản nào, dù bà đã đòi nhiều lần. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B, chị M phải liên đới trả cho bà 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi. Bà không có yêu cầu gì đối với ông Hồ Văn H là chồng của chị M.

Bà Vũ Thị Th trình bày: Do bà với bà Nguyễn Thị B có quan hệ là thông gia nên ngày 16/12/2015 bà B có nhờ bà vay giùm 25.000.000đ nhưng đến nay mới trả được 13.500.000đ, còn 11.500.000đ chưa trả cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà B phải trả cho bà 11.500.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra trong đơn khởi kiện bà còn yêu cầu chị Phạm Thị Th M phải trả cho bà 4 chỉ vàng 9999 và 10.000.000đ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà rút yêu cầu khởi kiện đối với chị M, sau này khi cần thiết bà sẽ khởi kiện lại đối với bà M.

Bà Hồ Thị Ngọc T trình bày:

Bà với bà Nguyễn Thị B là người quen nên bà B có nhờ bà vay hộ tiền của người khác về cho bà vay lại cụ thể như sau:

Ngày 01/8/2016 bà Nguyễn Thị B vay số tiền là 30.000.000đ, giấy vay tiền là do bà T viết, bà Nguyễn Thị B ký nhận nợ. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2000đ/1triệu/ngày; hạn trả 15 ngày nhưng đến nay mới trả cho bà được 5.000.000đ tiền lãi (do chị M trả hộ ngày 24/11/2016), còn tiền gốc chưa trả đươc khoản nào.

Ngày 17/12/2016 bà Nguyễn Thị B cùng chị Phạm Thị Th M vay của bà số tiền là 40.000.000đ, giấy vay tiền là do bà T viết, bà Nguyễn Thị B và chị Phạm Thị M ký nhận nợ nhưng sau này bà mới biết tên trong chứng minh nhân dân của chị M là Phạm Thị Th M. Các bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2000đ/ 1 triệu/ 1 ngày nhưng đến nay chưa trả cho bà được khoản nợt gốc, lãi nào. Trước đây bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B và chị Phạm Thị M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 40.000.000đ, không yêu cầu tính lãi; Bà không có yêu cầu gì đối với ông Hồ Văn H là chồng của bà M đối với các khoản nợ này.

Ngoài ra, trước đây bà có khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Phạm Thị Th M phải trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000đ. Nay tại phiên tòa bà xin rút yêu cầu khởi đối với khoản vay này, sau này khi cần thiết bà sẽ khởi kiện lại đối với khỏan vay này.

Trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị B trình bày:

Chị Phạm Thị Th M là con dâu bà. Cuốn năm 2015 và năm 2016 chị M có

nhờ bà vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 3/5/2016 vay của bà Trần Thị Phương L số tiền là 40.000.000 đồng. Khi vay bà L yêu cầu chị M và bà ký vào giấy nợ thì bà mới cho vay nên bà và chị M có ký xác nhận nợ nhưng tiền vay là do chị M, bà không có nhận tiền nhưng bà không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án. Nay bà L khởi kiện, bà không đồng ý trả nợ cho bà L mà chị M phải trả số tiền này. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ngày 16/12/2015, bà có vay của bà Th 25.000.000đ như bà Th khởi kiện, trong đó bà vay 10.000.000đ và đã trả xong. Vay cho M 15.000.000đ và đã trả cho M được 3.500.000đ. Nay bà Th kiện thì bà có nghĩa vụ trả cho bà Th 11.500.000đ vì giấy vay tiền là do bà ký. Còn các khoản nợ khác của chị M với bà Th thì bà không liên quan.

Đối với các khoản nợ của bà Hồ Thị Ngọc T thì bà có ý kiến như sau:

Bà công nhận ngày 01/8/2016 bà có vay của bà T số tiền 30.000.000đ, lãi suất thỏa thuận như bà T trình bày, chữ viết Nguyễn Thị B trong giấy vay tiền là do bà viết nhưng bà không đồng ý trả cho bà T vì bà đã trả đầy đủ cho bà T cả gốc và lãi nhưng bà T không gạch sổ cho bà. Bà không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối vối số tiền 40.000.000 đồng vay ngày 17/12/2016 là do chị M vay và nhận tiền nên chị M phải trả, chữ viết Nguyễn Thị B trong giấy vay tiền là do bà viết vì bà T bảo bà phải ký nhận nợ trong giấy vay tiền thì bà mới cho vay. Còn chữ Phạm Thị M là do chị M viết. Bà có chứng kiến việc chị M vay và nhận tiền của bà T 40.000.000đ nhưng bà không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án, yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, về cơ bản Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng còn vi phạm về thời hạn xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự:

Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ pháp luật tranh chấp đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật . Đến hạn trả nợ người vay không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Căn cứ các Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự, xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

Đối với việc rút một phầu yêu cầi khởi kiện của các nguyên đơn là bà Hồ Thị Ngọc T, bà Vũ Thị Th là phù hợp với quy định của pháp luật, cần đình chỉ các yêu cầu này, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn là chị Phạm Thị Th M có hộ khẩu thường trú tại thôn Hiệp Đ, xã Quảng H, huyện C nhưng không sinh sống thường xuyên tại địa phương từ tháng 4 năm 2017 đến nay, chị M không đăng ký tạm vắng và không báo cho các nguyên đơn biết hiện chị đang sinh sống ở đâu nên được coi là cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng chị M không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không thu thập lời khai, đối chất được và tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết : Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM’gar.

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Th M không đến làm việc tại Tòa án nên để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong các giấy vay tiền do các nguyên đơn giao nộp cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật. Tại bản kết luận giám định số 131/PC09 ngày 07/11/2019 của phòng kỹ thuật Hình sự công an tỉnh Đắk Lăk đã kết luận:

Chữ viết có nội dung “ Phạm Thị M “ tại dòng viết thứ 2 tính từ dưới lên trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1; chữ viết có nội dung “ M” tại dòng viết thứ 9 tính từ trên xuống trong tài liệu cần giám định ký hiệu A2 và chữ viết có nội dung “ M, Phạm Thị M “ tại dòng viết thứ 6,7 tính từ trên xuống trong tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết đứng tên Phạm Thị Th M trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

Vậy có đủ căn cứ để xác định chị M có tên theo chứng minh nhân dân là Phạm Thị Th M với chị Phạm Thị M trong các giấy vay và trả tiền các nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án là cùng một người;

Từ những căn cứ trên, Tòa án có đủ cơ sở để xác định ngày 06/5/2016 chị Phạm Thị Th M và bà Nguyễn Thị B có vay của bà L số tiền 40.000.000đ nhưng đến chưa trả cho bà L được khoản nào nên yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Việc bà B cho rằng số tiền này chỉ một mình chị M vay và nhận tiền, bà chỉ ký vào giấy nợ vì bà L yêu cầu, nếu bà không ký nợ thì bà L không cho vay nhưng bà không nhận tiền vay nên bà không phải trả mà chỉ một mình chị M phải trả cho bà L.

Tòa án xét thấy ý kiến cuả bà B không được bà L thừa nhận, bà B không có chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ nên Tòa án không có căn cứ để chấp nhận. Cần buộc bà Nguyễn Thị B và chị Phạm Thị Th M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền là 40.000.000đ. Về lãi suất bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, bà B thừa nhận còn nợ bà Th số tiền là 11.500.000đ đúng như bà Th khởi kiện nhưng vì hiện tại quá khó khăn nên mong bà Th cho trả dần. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th. Về lãi suất bà Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với chị Phạm Thị Th M, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th đã rút yêu cầu khởi kiện đối với chị M nên cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với chị M. Bà Th có quyền khởi kiện lại đối với chị M theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc T Tòa án xét thấy:

Đối với khoản vay ngày 01/8/2016 bà B công nhận có vay của bà T số tiền 30.000.000đ, lãi suất thỏa thuận như bà T trình bày, chữ viết Nguyễn Thị B trong giấy vay tiền là do bà B viết nhưng bà không đồng ý trả cho bà T vì bà đã trả đầy đủ cho bà T cả gốc và lãi nhưng bà T không gạch sổ cho bà. Xét ý kiến này của bà B không được bà T thừa nhận, bà B không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét. Cần buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền là 30.000.000đ tiền gốc. Về lãi suất trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng các bên thừa nhận là có thỏa tnuận lãi suất. Tuy nhiên mức lãi suất các bên thỏa thuận không phù hợp với pháp luật nhưng bà B chỉ mới trả được 5.000.000đ tiền lãi, hiện bà T không có yêu cầu về lãi suất, bà B không có tranh chấp gì về số tiền lãi đã trả nên Tòa án không xem xét.

Đối với khoản vay ngày 09/4/2016 với số tiền là 50.000.000đ, trước đây bà T khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Th M phải trả cho bà số tiền này nhưng tại phiên

tòa bà T đã rút yêu cầu khởi kiện này nên cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà T đối với chị M. Bà T có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng vay ngày 17/12/2016 bà B ý kiến là do chị M vay và nhận tiền nên chị M phải trả. Chữ viết Nguyễn Thị B trong giấy vay tiền là do bà viết vì bà T yêu cầu bà phải ký nhận nợ trong giấy vay tiền thì bà mới cho vay. Còn chữ Phạm Thị M là do chị M viết.

Xét ý kiến của bà B từ chối nghĩa vụ liên đới trả khỏan vay này không được bà T đồng ý; bà không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét. Cần buộc bà Nguyễn Thị B và chị Phạm Thị Th M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền là 40.000.000đ. Về lãi suất bà T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Các bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ Điều 160, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chị Phạm Thị Th M phải chịu tiền chi phí giám định là 5.040.000đ (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) theo giấy nhận tiền ngày 08 tháng 11 năm 2019 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk; số tiền này bà L, bà T đã nộp tạm ứng nên chị M phải trả cho bà L, bà T chi phí giám định là 5.040.000đ

[5] Về án phí sơ thẩm : Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm;

Bị đơn bà Nguyễn Thị B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí;

Chị Phạm Thị Th M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận’

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

[1] Chấp đơn yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn;

Buộc bà Nguyễn Thị B và chị Phạm Thị Th M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Phương Lnh số tiền là 40.000.000đ.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị Th số tiền là 11.500.000đ.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Ngọc T số tiền là 30.000.000đ.

Buộc bà Nguyễn Thị B và chị Phạm Thị Th M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị Ngọc T số tiền là 40.000.000đ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Th đối với chị Phạm Thị Th M. Bà Th có quyền khởi kiện lại đối với chị M theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc T đối với chị Phạm Thị Th M đối với khoản vay ngày 09/4/2016 với số tiền là 50.000.000đ. Bà T có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[2] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Trần Thị Phương L, bà Hồ Thị Ngọc T, bà Vũ Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Trần Thị Phương L, bà Hồ Thị Ngọc T, bà Vũ Thị Th số tiền 5.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0013865, ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk do bà Hồ thị Ngọc T nộp thay.

Bà Nguyễn Thị B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Chị Phạm Thị Th M phải chịu 2.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Về chi phí tố tụng khác: Chị Phạm Thị Th M phải chịu tiền chi phí giám định là 5.040.000đ. Số tiền này bà L, bà T đã nộp tạm ứng theo giấy nhận tiền ngày 08 tháng 11 năm 2019 của phòng kỷ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk nên chị M phải trả cho bà Lnh, bà T chi phí giám định là 5.040.000đ

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đăk Lăk;*
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện Cư M'gar;*
- *CCTHA huyện Cư M'gar;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VPCQ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Hiền